

Bản án số: 02/2019/HC-PT
Ngày 17 - 9 - 2019
V/v khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đồng Dục
Ông Đặng Đình Lực

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngân - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thế Vụ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 08/2018/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định xử phạt hành chính của Chủ tịch UBND xã L P, thành phố H Y*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐPT-HC ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1932;

Địa chỉ: Đội 11, thôn A Ch1, xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên: Ông Đinh Quang Th - đang là Chủ tịch UBND xã L P;

Địa chỉ: Xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

3. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Lều Hữu Phi, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Thôn A Ch 1, xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

- Ông Dương Văn Thà, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Cụm dân cư số 2, xã H H, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

Ông Đinh Quang T, sinh năm 1959 - Nguyên là Chủ tịch UBND xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên (đã nghỉ hưu);

Địa chỉ: Đội 9, thôn A Ch 1, xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

5. Người làm chứng:

- Ông Lều Văn Th1 "vắng mặt";
- Bà Đinh Thị H, sinh năm 1949 "vắng mặt";
- Ông Mai Văn B, sinh năm 1955 "vắng mặt";
- Ông Mai Văn Ng, sinh năm 1967 "vắng mặt";
- Ông Mai Hồng Q, sinh năm 1963 "vắng mặt";
- Ông Đinh Văn C, sinh năm 1940 "vắng mặt";
- Bà Mai Thị Th2, sinh năm 1957 "vắng mặt";
- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1945 "vắng mặt";
- Ông Lều Ngọc L, sinh năm 1937 "vắng mặt";
- Ông Lều Văn Đ, sinh năm 1942 "vắng mặt";
- Bà Đào Thị V, sinh năm 1952 "vắng mặt";

Đều có địa chỉ tại: Thôn A Ch1, xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1965 "vắng mặt";

Địa chỉ: Thôn Đ C, xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Vũ Văn Q1, sinh năm 1932 "vắng mặt";

Địa chỉ: Thôn V P, xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên.

6. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L (người khởi kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L trình bày:

Diện tích đất ông Nguyễn Văn L đang sử dụng tại thửa số 365, tờ bản đồ số 23 thuộc đội 13, thôn A Ch1, xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên là do ông L khai hoang từ năm 1962 cho đến nay. Mảnh đất này là của địa chủ Mai Tầm X bỏ đi Nam từ năm 1954, ông L thấy đất bỏ không nên đã tự ra khai hoang; ông L trồng mấy cây nhãn, chuối, khi có quả thì ông L thu hoạch. Việc ông L khai hoang đất có các bậc cao niên trong thôn như ông Vũ Xuân Q1, ông Đinh Văn C và một số người khác đã xác nhận cho ông L. Ông Vũ Xuân Q2 - nguyên Chủ tịch UBND xã L P đã 4 lần ký tên, đóng dấu xác nhận ông L có khai hoang thửa đất. Bản thân ông T cũng ký xác nhận vào Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông L. Căn cứ Điều 101 Luật đất đai thì ông L có đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này. UBND xã L P không đưa ra được căn cứ chứng minh diện tích đất ông L đang sử dụng là của UBND xã quản lý. UBND xã cho rằng ông L đổ đất từ năm 2011 - 2012 là không đúng vì mới đổ đất thì không thể trồng được cây nhãn to được. Sau khi ông Q2 xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông L thì ông Q2 bị Công an bắt vì có hành vi phạm tội nên ông L chưa làm thủ tục cấp GCNQSDĐ được. UBND xã L P cho

rằng năm 2011 ông L mới ra đồ đất và sử dụng nhưng UBND xã lại không tiến hành lập biên bản vi phạm tại thời điểm đó mà đến đầu năm 2018 mới mời ông L đến lập biên bản sau đó ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Việc ông T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (QĐXPVPHC) là vi phạm về thời hiệu theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, nghĩa là đã hết thời hiệu xử phạt. Hành vi này là do lợi ích cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản của ông L. Ông L khẳng định diện tích đất ông L đang sử dụng là do ông L khai hoang đất của địa chủ Mai Tầm X từ lâu, quá trình sử dụng không có tranh chấp gì nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L. Vì vậy, việc ông T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L do có hành vi lấn, chiếm đất công là không hợp pháp. UBND xã xác định đó là sông tiêu thoát nước nhưng lại ban hành QĐXPVPHC trong lĩnh vực đất đai là không đúng mà phải là vi phạm trong lĩnh vực thủy lợi. Ông L đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 của ông Đinh Quang T, đồng thời trả lại quyền sử dụng hợp pháp cho ông L đối với diện đất ông L đang sử dụng.

Tại công văn số: 33/CV-UBND ngày 16/5/2018 và các văn bản bổ sung, người bị kiện ông Đinh Quang T trình bày:

Căn cứ bản đồ 299 lập năm 1982 thì diện tích đất mà ông Nguyễn Văn L đang sử dụng là một phần diện tích của thửa số 348, tờ bản đồ số 04 có tổng diện tích là 11.780m². Thửa này là sông D của xã L P chảy từ Đ C qua thôn A Ch1 về sông Lê Như H ra trạm bơm T D. Thẩm quyền quản lý, sử dụng sông là UBND xã L P. Trên bản đồ không thể hiện diện tích đất ông L đang sử dụng. Sau bản đồ 299 thì xã L P có thêm bản đồ 327 được lập năm 1995 và bản đồ 1316 được lập năm 2002. Ngoài ba loại bản đồ này thì xã L P không có loại bản đồ nào khác, đặc biệt là không có bản đồ nào được lập trước năm 1982 hoặc thời kỳ Pháp thuộc. Tại tờ bản đồ số 7, bản đồ 327 và thửa 365 thuộc tờ bản đồ 1316 đều thể hiện là sông D của xã theo như bản đồ 299 và cũng đều không thể hiện có diện tích đất ông L đang sử dụng. Năm 2009 UBND xã L P có lập dự án công trình xây dựng tuyến đường từ cầu ông Tr đến Đ C (đoạn từ cầu ông Tr đến nhà bà Ph). Theo thiết kế thì gói thi công tuyến đường là lấp một phần sông mở rộng đường và làm hệ thống cống hộp để tiêu thoát nước sinh hoạt của dân. Dự án này đã được UBND thành phố H Y phê duyệt và đã đưa vào thi công xong. Ngày 25/9/2014 công trình đã được nghiệm thu và bàn giao để đưa vào sử dụng. Ông L cho rằng diện tích đất ông L đang sử dụng là đất của địa chủ Mai Tầm X (có con trai là Mai Sử Th3) bỏ lại từ năm 1954, ông L khai hoang và sử dụng từ năm 1962 cho đến nay là không đúng. Năm 1954 khi thực dân pháp thua cuộc ở Việt Nam thì gia đình địa chủ Mai Sử Th3 đã bỏ đi và có bỏ lại khu sinh phần của gia đình. Trong thời kỳ bao cấp, địa phương đã ủi đi làm sân kho và nhà kho của xã, xây nhà mẫu giáo. Khu sinh phần chỉ còn lại một diện tích nhỏ có các phần mộ của gia đình Mai Sử Th3. Sau này UBND xã đã cho những người trong dòng họ M thuê khu đất này. Ngày 06/5/2011 bà Nguyễn Phương M1 (con gái của bà Mai Thị Bằng T) sinh năm 1954, địa chỉ: Số 43, N T T, phường 12, quận B Th, thành phố H C M đã đại diện cho dòng họ M, có đơn trình bày với nội

dung đề nghị chính quyền địa phương cho dòng họ M xin lại diện tích 983,25m² đất của dòng họ M còn lại, trong đó có phần nghĩa trang của dòng họ M. UBND xã L P đã tiến hành kiểm tra và lập trích lục khu sinh phần đối với phần đất dòng họ M xin lại và đã có Báo cáo số: 222/BC-UBND ngày 20/6/2011 trình UBND thành phố H Y và các phòng, ban chức năng của thành phố xem xét, giải quyết đề nghị của bà M1. Hiện tại thì những người trong dòng họ M vẫn đang sử dụng phần diện tích đất này và trông nom các phần mộ. Đoạn sông khu cầu ông Tr rất rộng nên khi thi công đã đẩy bùn về phía sông còn lại giáp với nghĩa trang của gia đình địa chủ Mai Tâm X nên đã tạo thành một mảnh đất. Sau khi công trình thi công xong thì ông Nguyễn Văn L và ông Mai Văn H2 có đổ thêm một ít đất cát lên mảnh đất này và trồng rau, chuối, nhãn rồi tự nhận là khai hoang đất của địa chủ Mai Tâm X để lại. Ông L và ông H đã có đơn đề nghị UBND xã L P và các cấp có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này nhưng đơn của ông L và ông H không được giải quyết. Đến tháng 12/ 2015 ông L lại tiếp tục làm đơn đề nghị UBND xã cấp GCNQSDĐ cho ông L. UBND xã đã có báo cáo số: 224/BC-UBND ngày 09/12/2015 gửi UBND thành phố H Y, Phòng Tài nguyên môi trường và Văn phòng ĐKQSDĐ thành phố H Y đề nghị xem xét và hướng dẫn đối với trường hợp này của ông L. Tuy nhiên Ủy ban xã không nhận được văn bản hướng dẫn, chỉ đạo nào của thành phố. Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai của địa phương qua từng thời kỳ đã xác định diện tích đất ông L xin cấp GCNQSDĐ là đất sông do UBND xã quản lý, ngày 04/02/2016 UBND xã đã ban hành Công văn số 18/CV-UBND trả lời cho ông L rõ. Đến năm 2017 ông L vẫn tiếp tục đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Để có cơ sở xem xét làm thủ tục, UBND xã đã phát phiếu thăm dò ý kiến của nhân dân cho 9 hộ dân sống ở quanh khúc sông này và mở hội nghị lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông L, đồng thời tổ chức Hội nghị xét duyệt nguồn gốc đối với thửa đất mà ông L xin cấp GCNQSDĐ, tất cả các ý kiến đều khẳng định đây là đất sông ông L ra nhận rồi trồng chuối, nhãn lên. UBND xã đã có Công văn số 102/CV-UBND ngày 23/3/2017 trả lời cho ông L biết diện tích đất này không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho hộ ông L. Ông L không đồng ý với trả lời này và có đơn khiếu nại, UBND xã đã có Công văn số 310/CV-UBND trả lời không chấp nhận khiếu nại của ông L, đồng thời yêu cầu ông L phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về quản lý đất đai, không làm biến dạng, xây dựng công trình trên mảnh đất nói trên, chấp hành nghiêm quy định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên phần diện tích đất nói trên để UBND xã L P thực hiện dự án cho tập thể. Sau đó ông L tiếp tục khiếu nại lên UBND thành phố H Y và có đơn tố cáo Chủ tịch UBND xã L P cố ý làm trái pháp luật về đất đai. UBND thành phố H Y đã giao cho Thanh tra thành phố thụ lý và giải quyết đơn của ông L. Ngày 25/12/2017 UBND thành phố H Y đã có Công văn số 1664/UBND-TTtr trả lời đơn của ông L. Nội dung công văn xác định ông L không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ và việc UBND xã L P trả lời ông L bằng các văn bản nêu trên là đúng các quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu hộ ông L tự nguyện thu dọn cây cối, hoa màu và bàn giao trả lại diện tích đất công cho UBND xã L P quản lý theo đúng quy định. Sau đó,

UBND thành phố H Y đã có công văn số 73/UBND-TTr ngày 18/01/2018 yêu cầu Chủ tịch UBND xã L P tiến hành kiểm tra hành vi lấn, chiếm đất của ông L tại thửa đất sông, trên cơ sở kiểm tra hoàn thiện hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Sau khi kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ quản lý đất đai và hành vi chiếm dụng đất của ông L, UBND xã L P đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và ban hành Quyết định số: 23/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018, nội dung là xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L do đã có hành vi lấn, chiếm đất công, mức phạt là 3.000.000 đồng. Vì vậy, việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên là hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND xã L P giữ nguyên nội dung quyết định và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2019/HCST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Áp dụng: Các điều 30, 31, 116, 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; điểm e khoản 1 Điều 10; Điều 208 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 6; Điều 57; Điều 66; Điều 68 của Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 10; Điều 31; Điều 34 của Nghị quyết số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc hủy Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai số 23/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 của Chủ tịch UBND xã L P, thành phố H Y và buộc ông Đinh Quang T phải hoàn thiện thủ tục để ông L xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất ông L đang sử dụng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 của Chủ tịch UBND xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên và đề nghị Chủ tịch UBND xã L P làm thủ tục cho ông được cấp GCNQSDĐ đối với phần đất khai hoang của địa chủ Mai Tâm X. Các người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L cũng đều có ý kiến thống nhất như nội dung kháng cáo của ông L; đưa ra ý kiến đất ông L khai hoang của địa chủ Mai Tâm X từ năm 1962 đã nhiều lần được chính quyền địa phương xác nhận, nên thuộc trường hợp được cấp GCNQSDĐ theo Luật đất đai, nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H Y để xét xử lại theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông L.

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, do Chủ tịch UBND xã L P là ông Đinh Quang T được nghỉ hưu, trong thời gian UBND xã L P chưa kiện toàn được Chủ tịch UBND xã nên chưa có người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã phải hoãn phiên tòa nhiều lần đến khi UBND xã L P kiện toàn tổ chức xong, Chủ tịch UBND xã là ông Đinh Quang Th tiếp tục tham gia tố tụng với tư cách người bị kiện tại cấp phúc thẩm.

Ông Đinh Quang Th - Chủ tịch UBND xã L P trình bày: Ông mới được bầu giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã L P từ cuối tháng 7/2019 và được tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm. Ông Th hoàn toàn nhất trí với lời trình bày và tài liệu chứng cứ do Chủ tịch UBND xã L P trước đây đã cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án này, đồng thời ông Th nhất trí với bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên đã xét xử là đúng pháp luật, phù hợp thực tế khách quan tại địa phương. Trong quá trình quản lý đất đai tại địa phương đều trên cơ sở hồ sơ, bản đồ địa chính, sổ mục kê. Việc ông Nguyễn Văn L có hành vi lấn chiếm đất công do UBND xã quản lý, nên Chủ tịch UBND xã L P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai số: 23/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 đối với ông Nguyễn Văn L là đúng pháp luật về thẩm quyền, nội dung và hình thức, nên ông Th có ý kiến giữ nguyên Quyết định của Chủ tịch UBND xã L P đã xử phạt ông L. Do đó, kháng cáo của ông L là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm thì Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định của Luật tố tụng hành chính là hợp lệ, được xem xét.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tài liệu xác minh bổ sung của Tòa phúc thẩm, xác định: Ông L khai sử dụng diện tích đất từ năm 1962 nhưng không có giấy tờ, tài liệu để chứng minh; trong thời gian sử dụng không kê khai, không thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Trong khi đó, tại các loại bản đồ, sổ sách quản lý đất đai của xã L P đang lưu giữ và khai thác, sử dụng để quản lý đất đai tại địa phương thì phần đất ông L cho rằng khai hoang đều thể hiện nằm trong diện tích sông D của xã L P do UBND xã L P quản lý. Các người chứng kiến ký xác nhận cho ông L khi Tòa án xác minh đều khẳng định đó là đất tập thể chứ không phải đất của ông L. Năm 2016 ông L tự ý chặt bán 01 cây nhãn trên phần đất đó cho người khác bị chính quyền phát hiện lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính, ông L nhất trí không có ý kiến gì chỉ đề nghị tuổi cao, không có tiền nộp phạt xin miễn và ông L đã nộp lại 400.000 đồng để trả cho người mua cây. Việc ông L cho rằng, năm 2014, 2015 ông có đơn đề nghị UBND xã L P xác nhận đề xin cấp sổ đỏ đã được Chủ tịch UBND xã L P xác nhận, nhưng thực tế trong văn bản ông L đề nghị xác nhận thì

Chủ tịch UBND xã L P chỉ xác nhận về chữ ký và xác nhận là người địa phương chứ không xác nhận, đề nghị gì về nội dung trong đơn của ông L. Vi phạm của ông L kéo dài, liên tục; tại công văn số 102/CV-UBND ngày 23/3/2017 về việc trả lời đơn, UBND xã L P đã yêu cầu ông L phải chấp hành đúng quy định về quản lý đất đai, không làm biến dạng, canh tác trái phép để UBND xã quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Ông L có hành vi vi phạm pháp luật đất đai, Chủ tịch UBND xã L P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy bản án sơ thẩm có ghi sai Nghị định thành Nghị quyết và tuyên thời điểm tính thời hạn kháng cáo là chưa chính xác, nhưng không ảnh hưởng tới bản chất giải quyết vụ án. Do vậy, kháng cáo của ông L không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do ông L là người già và có đơn xin miễn án phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho ông L theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày của người khởi kiện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, người bị kiện, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ của vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thời hạn kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định là hợp pháp, được chấp nhận.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định xử phạt hành chính số: 23/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên là quyết định hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai đối với ông Nguyễn Văn L, Tòa án nhân dân thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 06/02/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L P ban hành Quyết định hành chính số: 23/QĐ-XPVPHC đối với ông Nguyễn Văn L. Không đồng ý với quyết định nêu trên, ngày 09/02/2018, ông L khởi kiện Quyết định hành chính số: 23/QĐ-XPVPHC tại Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L P, thành phố H Y ban hành Quyết định xử phạt hành chính số: 23/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 đối với ông Nguyễn Văn L là đúng theo quy

định tại Điều 208 Luật đất đai; khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 31 Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành: Ông Nguyễn Văn L đã thực hiện hành vi lấn, chiếm diện tích đất tập thể do UBND xã L Ph, thành phố H Y quản lý tại thửa số 365, tờ bản đồ số 23 thuộc đội 13 thôn A Ch1, xã L P thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên. UBND xã L P đã có văn bản yêu cầu ông L thu dọn hoa màu trên đất để UBND xã quản lý sử dụng đất theo quy định nhưng ông L không chấp hành nên ngày 31/01/2018 UBND xã L P đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính yêu cầu ông L thu hồi cây cối trên đất và trả lại hiện trạng ban đầu của đất công. Căn cứ vào Điều 57, Điều 66, Điều 67, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; ngày 06/02/2018 Chủ tịch UBND xã L P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-XPVPHC đối với ông Nguyễn Văn L là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

[2.3] Về nội dung quyết định:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện, người bị kiện cung cấp, lời khai, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại bản đồ 299 thể hiện thửa số 348, tờ bản đồ số 04 là Sông D thuộc xã L P, có tổng diện tích là 11.780m². Sông D chảy từ Đ C qua thôn A Ch1 đến cầu ông Tr về sông Lê Như H1. Đoạn sông ở cầu ông Tr có một phần giáp với cầu và một phần giáp với thửa 460 có diện tích 144m² là đất vườn của hộ ông Mai Văn B. Tại bản đồ 327 lập năm 1995, đoạn sông ở cầu ông Tr có một phần giáp với cầu, một phần giáp với thửa 86 là diện tích xây dựng cơ bản và thửa 85 là đất trường mẫu giáo. Tại tờ bản đồ 1316 đo năm 2002 thì Sông D được thể hiện tại thửa 365, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 7.980m². Đoạn sông ở cầu ông Tr có một phần giáp với cầu, một phần giáp với thửa 507 là đất thổ cư và thửa 506 là sân kho. Như vậy, diện tích đất tại thửa số 365, tờ bản đồ số 23 thuộc đội 13, thôn An Ch1, xã L P, thành phố H Y thể hiện tại sổ mục kê 299, tờ bản đồ số 04; sổ mục kê, bản đồ 327 lập năm 1995; sổ mục kê, bản đồ 1316 đo năm 2002 thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của UBND xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Quyết định số:73/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của UBND xã L P; Biên bản bàn giao mặt bằng thi công ngày 16/3/2010 của UBND xã L P; Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 25/9/2014 của UBND xã L P đã xác định được: Từ năm 2009, UBND xã L P đã có kế hoạch xây dựng tuyến đường từ cầu ông Tr đến Đ C (đoạn từ cầu ông Tr đến nhà bà Ph). Đoạn đường có chiều dài 309m, điểm đầu tại cầu ông Tr, điểm cuối tại nhà bà Ph. Năm 2010 UBND đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công, đến ngày 25/9/2014 thì công trình được nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Sau khi công trình thi công xong hệ thống cống hộp được sử dụng để tiêu thoát nước cho xã L P, dẫn đến diện tích đất ông L sử dụng được hình thành khi xã L P làm tuyến đường (xây cống hộp)

từ câu ông Tr đến Đ C thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã L P, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên.

Ông L cho rằng ông sử dụng diện tích đất khai hoang của địa chủ Mai Tâm X từ năm 1962, nhưng ông không tiến hành đăng ký kê khai, không có tên trên sổ sách địa chính của địa phương, cũng không thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, không có bất cứ giấy tờ, tài liệu gì của cơ quan có thẩm quyền công nhận đất đó ông khai hoang từ đất của địa chủ Mai Tâm X để lại, đồng thời UBND xã L P cũng không thu bất cứ khoản tiền nào của ông L về việc ông L tự ý sử dụng đất để sử dụng cho ngân sách địa phương. Ông L cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho diện tích đất ông đang sử dụng là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L.

Ông L cho rằng diện tích đất ông đang sử dụng tại thửa số 365, tờ bản đồ số 23 thuộc đội 13, thôn A Ch1, xã L P, thành phố H Y có nguồn gốc của địa chủ Mai Tâm X, đã bỏ đi M N từ năm 1954 nên bỏ hoang. Ông đã tự ra khai hoang đất từ năm 1962 và cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng minh: Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ ngày 20/3/2014 có xác nhận của các ông Vũ Văn Q1, Đinh Văn C, Mai Văn T; Giấy biên nhận của các ông Vũ Văn Q1, Đinh Văn C, Lều Ngọc L, Nguyễn Văn L1, Lều Văn Đ, Nguyễn Văn S, bà Đào Thị V; Giấy tự khai của bà Mai Thị Th2 (vợ ông Mai Trung H2). Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định hiện trạng đất; xác minh, lấy lời khai làm rõ nội dung các tài liệu ông L cung cấp và xác định ông L đã có sự gian dối trong việc làm giấy tờ xác nhận của một số người dân cùng sinh sống tại địa phương để xác định diện tích đất ông L đang sử dụng là do ông L khai hoang từ năm 1962.

Đối với những cây nhãn lâu đời trên đất có nguồn gốc từ thời xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp năm 1960 (gọi là Hợp tác xã Hòa Bình) do các cụ phụ lão trồng và những cây nhãn đó là tài sản của tập thể, gần sông và đầu kho phân đạm, thuốc trừ sâu của Hợp tác xã. Sau đó Hợp tác xã giải thể, các cây nhãn được xã giao cho thôn quản lý và sử dụng. Năm 2016 ông L tự ý chặt phá cây nhãn đã bị công an xã và thôn xử lý. Công an xã đã xử phạt ông L về hành vi phá hoại tài sản công. Do đó ông L cho rằng cây nhãn cổ thụ trên đất do ông trồng là không đúng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L đề nghị hủy Quyết định xử phạt hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L P và đề nghị buộc Chủ tịch UBND xã L P hoàn thiện thủ tục để ông L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và ý kiến của các người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông L không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi (87 tuổi), có đơn xin miễn án phí được UBND xã L P xác nhận, nên ông L được miễn án phí phúc thẩm hành chính.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 241; Điều 242; khoản 1 Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên như sau:

Áp dụng: Các điều 30, 31, 116, 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; điểm e khoản 1 Điều 10, Điều 208 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 6; Điều 57; Điều 66; Điều 68 của Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 10; Điều 31; Điều 34 của Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc hủy Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai số: 23/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 của Chủ tịch UBND xã L P, thành phố H Y và buộc Chủ tịch UBND xã L P phải hoàn thiện thủ tục để ông L xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất ông L đang sử dụng.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn cho ông Nguyễn Văn L 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000213 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND TP H Y;
- VKSND TP H Y;
- Chi cục THADS TP H Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Trần Đình Hiền

